



Tuần 45 (07/11-11/11/22) BSC WEEKLY REVIEW

*Tác động từ việc Trung Quốc tái mở
cửa nền kinh tế đối với Việt Nam*



NỘI DUNG

- 1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI:** *Thị trường đang ở vùng biến động mạnh với diễn biến khó lường*
- 2. CHUYÊN MỤC TUẦN:** *Tác động từ việc Trung Quốc tái mở cửa nền kinh tế đối với Việt Nam*
- 3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ:** *SBV bơm ròng tiền qua OMO*
- 4. PTKT VN-INDEX:** *980 điểm, Fibonacci 61.8% chu kỳ trung hạn, vẫn đang hỗ trợ cho VN-Index*
- 5. TIN VĨ MÔ:** *FED tiếp tục tăng lãi suất 0.75%*
- 6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG:** *Thực phẩm và đồ uống -0.20%*
- 7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG**

CHIẾN THUẬT TUẦN: Thị trường đang ở vùng biến động mạnh với diễn biến khó lường

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	997.15	-2.94%
GTGD/phiên (tỷ VND)	9,315.48	6.34%
Khối ngoại (tỷ VND)	-539.04	
HNX-INDEX	204.56	-2.79%
GTGD/phiên (tỷ VND)	720.15	-8.26%
Khối ngoại (tỷ VND)	2.30	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	3770.55	1.36%	-3.35%	3.60%
EU (EURO STOXX	3688.33	2.65%	2.08%	9.27%
China (SHCOMP)	3070.80	2.43%	2.43%	1.53%
Japan (NIKKEI)	27199.74	-1.68%	-0.53%	0.29%
Korea (KOSPI)	2348.43	0.83%	2.39%	4.94%
Singapore (STI)	3130.11	0.89%	2.32%	-0.68%
Thailand (SET)	1626.32	0.04%	1.26%	3.06%
Phillipines (PCOMP)	6185.53	0.48%	1.05%	3.29%
Malaysia (KLCI)	1438.28	1.26%	-0.62%	1.25%
Indonesia (JCI)	7045.53	0.16%	-0.15%	0.27%
Vietnam (VNIndex)	997.15	-2.22%	-2.94%	-3.74%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2209	980.00	-1.80%	47,059	48,139
VN30F2210	956.80	-4.12%	190	3,066
VN30F2212	958.00	-4.00%	37	262
VN30F2203	971.10	-2.69%	40	188

TTCK VIỆT NAM

Ngành BĐS tiếp tục tiêu cực, nhiều cổ phiếu có dấu hiệu bị giải chấp

VN-Index quay đầu giảm điểm 2.9% sau một tuần hồi phục qua đó mất luôn ngưỡng tâm lý 1,000 điểm. Khối ngoại bán ròng và hoạt động giải chấp tại một số cổ phiếu Bất động sản đã có phản ứng dây chuyền tiêu cực lên thị trường. Cùng với đó, diễn biến căng thẳng về thanh khoản và cuộc đua lãi suất của một số Ngân hàng cũng đã tác động bất lợi lên thị trường trong bối cảnh thanh khoản thị trường chứng khoán xuống thấp chờ thông tin. Thị trường giảm điểm trên diện rộng với 19/19 ngành giảm. 1 số ngành giảm mạnh trên 9% gồm Bán lẻ, Viễn thông, Tài nguyên cơ bản. Mùa công bố KQKD cơ bản hoàn thành và thị trường sẽ không còn thông tin hỗ trợ trong khi VN-Index đang quay trở lại vùng điểm nhạy cảm và khó lường. NĐT nên tiếp tục theo dõi, cẩn trọng trong giao dịch chờ các tín hiệu rõ ràng trước khi mở lại vị thế.

Mùa công bố KQKD quý III cơ bản hoàn thành với phần lớn các Công ty lớn đã công bố báo cáo tài chính. 91% cổ phiếu niêm yết trên HSX và HNX có KQKD quý III tăng trưởng 11.6% so cùng kỳ. 57% số công ty ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận dương, 15% số công ty công bố thua lỗ. 30/30 cổ phiếu VN30 công bố lợi nhuận tăng trưởng 12% trong khi 19/19 Ngân hàng tăng trưởng 55.2% cùng kỳ. Ngành Ngân hàng đóng góp 90% LNST tăng thêm của toàn thị trường so cùng kỳ, qua đó là động lực tăng trưởng chính trong quý III. Ở chiều ngược lại, ngành Thép, Chứng khoán và Tiêu dùng (VNM, MSN) lại kéo lùi tăng trưởng chung. Với KQKD quý III tăng trưởng 11.6% và nền giá giảm sâu chỉ số P/E và P/B của VN-Index về mức thấp mới lần lượt 10.2 và 1.5 lần.

TTCK THẾ GIỚI

TTCK Hoa Kỳ giảm điểm trước quan điểm cứng rắn của chủ tịch FED

Sau những phiên hồi phục tốt TTCK giảm lại trung bình 2% trước quan điểm của chủ tịch FED ngay sau cuộc họp chính sách tháng 11. Diễn biến này đi ngược với động thái hồi phục của các thị trường phát triển và các nước khu vực. TTCK Trung Quốc dẫn đầu đà tăng trong khu vực khi ghi nhận mức tăng 5.3% nhờ kỳ vọng mở cửa sớm nền kinh tế. Chỉ số hàng hóa Bcom tăng 3.4%, đóng góp chủ yếu từ sự phục hồi mạnh của giá gas tự nhiên và giá dầu. Sau 1 tuần giảm, USD Index tăng 1.6% nhờ thông tin FED tăng lãi suất thêm 0.75%. Trong tuần tới, cuộc bầu cử quốc hội Hoa Kỳ sẽ diễn ra. Hiện tại Đảng dân chủ của đương kim tổng thống đang nắm giữ 2 viện quốc hội. Kết quả bầu cử sẽ phát đi tín hiệu về đường lối chính sách đối nội và đối ngoại của nước Hoa Kỳ ít nhất trong 2 năm tới. FED nâng lãi suất 0.75% lần thứ 4 liên tiếp lên mức 3.75 - 4% và báo hiệu có thể thay đổi nhịp độ nâng lãi suất trong tương lai. Fed đánh giá chi tiêu và sản xuất của Mỹ chỉ tăng trưởng “khiêm tốn”, đồng thời lưu ý rằng “thị trường việc làm đã tăng trưởng mạnh trong vài tháng gần đây” trong khi lạm phát vẫn rất cao. Fed cho biết “sẽ cực kỳ chú ý tới rủi ro lạm phát” và vẫn cho rằng việc tăng lãi suất sẽ là hợp lý sao cho lãi suất lên mức đủ để kéo lạm phát về mức 2% theo thời gian. Sau đó, bài phát biểu của chủ tịch FED đã “dội gáo nước lạnh” vào kỳ vọng của thị trường về sự giảm tốc của lãi suất. Ông Powell bác bỏ ý tưởng FED có thể sớm dừng tăng lãi suất dù FED có thể bàn tăng lãi suất chậm trong 1-2 cuộc họp tới. Chủ tịch FED cũng cho biết đỉnh lãi suất trong chu kỳ thắt chặt này sẽ cao hơn nhiều so với dự tính hồi tháng 9 và điều này thu hẹp cánh cửa cho một cuộc “hạ cánh mềm”.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng



CHUYÊN MỤC TUẦN: Tác động từ việc Trung Quốc tái mở cửa nền kinh tế đối với Việt Nam

Sau hơn hai năm thực thi chính sách zero-COVID, phong tỏa nhiều thành phố lớn để ngăn chặn đà lây lan của dịch bệnh khiến chuỗi cung ứng toàn cầu bị ảnh hưởng, cuối cùng đến thời điểm hiện tại, Trung Quốc đã cho thấy những động thái về khả năng tái mở cửa trở lại nền kinh tế qua nhiều phát biểu tích cực của giới chức nước này thời gian gần đây. Với tư cách là quốc gia nhập khẩu hàng đầu của Việt Nam, việc Trung Quốc mở cửa trở lại sẽ có những tác động nhất định đến nền kinh tế nước ta. Mời quý nhà đầu tư cùng theo dõi những phân tích về các tác động qua báo cáo dưới đây.

1. Tình trạng XNK giữa Việt Nam – Trung Quốc

Trong báo cáo tuần 21 **"Tác động của việc Mỹ hạ bớt hàng rào thuế quan đối với Trung Quốc"** và báo cáo **"Quan hệ thương mại Hoa Kỳ và Việt Nam"**, BSC đã cho thấy Trung Quốc là đối tác NK chính của Việt Nam trong công đoạn Việt Nam XK sang Hoa Kỳ. Việc Trung Quốc mở cửa trở lại có thể giúp cải thiện một phần tình trạng tăng trưởng XNK đang chậm dần của Việt Nam (**"Báo cáo vĩ mô thị trường tháng 10"**).

Xét trong giai đoạn 2017-2021, Việt Nam duy trì mức nhập siêu lớn với giá trị ngày càng gia tăng. Tốc độ tăng trưởng NK trung bình là 17.5% trong khi XK chỉ tăng trưởng 12.3%. Nguyên nhân của hiện tượng này là do xu hướng chuyển dịch chuỗi sản xuất công nghiệp từ Trung Quốc sang Việt Nam. (**"Báo cáo chuyển dịch hàng hóa công nghiệp nặng"**).

9T2020 và 9T2022 là hai giai đoạn chứng kiến tốc độ tăng trưởng XNK Trung Quốc - Việt Nam suy giảm rõ rệt. 9T2020, XK tăng trưởng 15.1%, NK tăng trưởng 4.1%. 9T2022, XK tăng trưởng 6.2%, NK tăng trưởng 12.1%. Nguyên nhân chủ yếu là do đây là hai năm Trung Quốc thực hiện chính sách zero-COVID và đóng cửa biên giới. Chính sách này đã hạn chế lượng hàng hóa giao thương giữa Việt Nam và Trung Quốc trong hai giai đoạn này. Việc Trung Quốc mở cửa trở lại có thể khiến cho tốc độ tăng trưởng XNK Việt Nam – Trung Quốc cải thiện hơn trong 2 tháng cuối năm 2022 và năm 2023.

Các nhóm hàng hóa chịu ảnh hưởng mạnh từ việc Trung Quốc mở cửa trở lại:

Bảng 3. Top 10 hàng hóa Việt Nam nhập siêu từ Trung Quốc

Đơn vị: Tỷ USD	Giá trị					Tăng trưởng				
	2017	2018	2019	2020	2021	2018	2019	2020	2021	
Tổng giá trị nhập khẩu	58.6	65.5	75.5	84.2	110.5	11.8%	15.2%	11.5%	31.3%	
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	10.9	11.6	14.9	17.0	24.9	6.7%	27.9%	14.4%	46.3%	
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	7.1	8.2	12.1	18.5	22.0	16.3%	47.2%	52.3%	19.0%	
Vải các loại	6.1	7.1	7.7	7.3	9.1	16.8%	9.0%	-5.9%	24.6%	
Sản phẩm từ chất dẻo	1.9	2.1	2.7	3.5	4.1	8.0%	29.3%	29.1%	16.7%	
Sản phẩm từ sắt thép	1.3	1.6	1.9	2.5	3.2	24.6%	23.2%	26.5%	30.7%	
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	2.0	2.2	2.5	2.5	3.1	7.4%	11.9%	3.5%	22.7%	
Sắt thép các loại	4.1	4.5	3.3	2.4	4.4	9.6%	-26.7%	-26.2%	81.4%	
Sản phẩm hóa chất	1.2	1.4	1.6	1.9	2.7	13.1%	16.2%	20.5%	37.6%	
Chất dẻo nguyên liệu	0.9	1.1	1.3	1.4	2.3	21.0%	17.5%	3.8%	73.4%	
Kim loại thường khác	1.0	1.3	1.6	1.4	1.9	35.2%	22.3%	-14.3%	38.5%	

Nguồn: Tổng cục hải quan, BSC Research

Bảng 1. Tăng trưởng XNK Việt Nam – Trung Quốc hàng năm

Đơn vị: Tỷ USD	2017	2018	2019	2020	2021	Trung bình
Xuất khẩu	35.4	41.4	41.5	48.9	55.9	
% Tăng trưởng		16.8%	0.2%	18.0%	14.4%	12.3%
Nhập khẩu	58.6	65.5	75.5	84.2	110.5	
% Tăng trưởng		11.8%	15.2%	11.5%	31.3%	17.5%
Cán cân thương mại	(23.19)	(24.15)	(34.01)	(35.28)	(54.61)	

Nguồn: Tổng cục hải quan, BSC research

Bảng 2. Tăng trưởng XNK Việt Nam – Trung Quốc 9 tháng hàng năm

Đơn vị: Tỷ USD	2017	2018	2019	2020	2021	2022	Trung bình
Xuất khẩu	22.2	28.8	28.3	32.5	38.8	41.2	
% Tăng trưởng		29.7%	-2.0%	15.1%	19.4%	6.2%	13.7%
Nhập khẩu	41.9	47.3	55.4	57.6	81.3	91.2	
% Tăng trưởng		12.8%	17.1%	4.1%	41.1%	12.1%	17.4%
Cán cân thương mại	(19.68)	(18.42)	(27.10)	(25.07)	(42.47)	(49.94)	

Nguồn: Tổng cục hải quan, BSC research

Bảng 4. Các loại hàng hóa Việt Nam xuất siêu sang Trung Quốc

Đơn vị: Tỷ USD	Giá trị					Tăng trưởng				
	2017	2018	2019	2020	2021	2018	2019	2020	2021	
Tổng giá trị xuất khẩu	35.4	41.4	41.5	48.9	55.9	16.8%	0.2%	18.0%	14.4%	
Điện thoại các loại và linh kiện	7.2	9.4	8.3	12.3	15.2	31.6%	-11.9%	48.8%	23.0%	
Cao su	1.4	1.4	1.6	1.8	2.3	-5.0%	13.1%	18.1%	24.9%	
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	2.1	2.8	1.5	1.4	3.0	34.1%	-45.2%	-6.2%	106.5%	
Xơ, sợi dệt các loại	2.0	2.2	2.4	2.1	3.0	8.5%	8.3%	-10.5%	38.8%	
Hàng rau quả	2.6	2.8	2.5	1.8	1.9	6.2%	-11.9%	-25.7%	3.5%	
Hàng thủy sản	1.1	1.0	1.2	1.2	1.0	-7.0%	22.7%	-4.8%	-17.1%	
Gỗ và sản phẩm gỗ	1.1	1.1	1.2	1.2	1.5	0.5%	8.3%	3.2%	24.7%	
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	0.2	0.2	0.2	0.2	0.4	8.2%	-15.6%	15.7%	79.6%	
Quặng và khoáng sản khác	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	-15.8%	1.4%	27.4%	-18.0%	

Nguồn: Tổng cục hải quan, BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Tác động từ việc Trung Quốc tái mở cửa nền kinh tế đối với Việt Nam

2. Ảnh hưởng từ việc Trung Quốc tái mở cửa tới ngành du lịch Việt Nam

Trong suốt giai đoạn năm 2015-2021, người Trung Quốc chiếm trung bình 29.5% trong cấu phần lượng khách du lịch sang Việt Nam hàng năm. Kể cả trong giai đoạn 2 năm COVID-19, khách du lịch từ Trung Quốc chiếm cấu phần lớn, lần lượt là 34.1% và 43.5% trong hai năm 2020 - 2021. Các con số này cho thấy, Trung Quốc đóng góp một phần khá lớn vào hoạt động kinh ngành nghề du lịch và ăn uống tại Việt Nam.

Xét trên giai đoạn 9 tháng đầu năm, trong năm 2022, với chính sách đóng cửa của biên giới của Trung Quốc, số lượng khách du lịch suy yếu và giảm xuống chỉ còn chiếm 3.0% trong tổng số lượng khách du lịch đến Việt Nam, trong khi tỷ lệ này trung bình đạt 29.9% trong giai đoạn 2015-2021.

Xét về giá trị lũy kế của ngành dịch vụ, mặc dù giá trị mảng dịch vụ lưu trú và ăn uống đã hồi phục gần như trở lại giai đoạn trước COVID-19 nhưng dịch vụ lữ hành vẫn còn cách một khoảng khá xa. Lũy kế ngành dịch vụ lưu trú ăn uống 9T2022 đạt 431 nghìn tỷ đồng (+54.75% YoY), khá sát với con số của năm 2019 là 435 nghìn tỷ đồng (+9.65% YoY). Tuy nhiên, lũy kế ngành dịch vụ lữ hành 9T2022 chỉ đạt 18 nghìn tỷ đồng (dù đạt mức tăng trưởng mạnh là 295% YoY nhờ mức nền thấp của năm ngoái). Kết quả tăng trưởng ấn tượng nhưng vẫn chưa thể hồi phục trở lại mức 2019 là 34 nghìn tỷ đồng (+12.0 %YoY). BSC kỳ vọng lượng khách du lịch Trung Quốc quay trở lại Việt Nam sẽ giúp gia tăng tốc độ hồi phục của ngành dịch vụ lữ hành trong năm 2022 và 2023.

Bảng 5. Lượt khách du lịch hàng năm

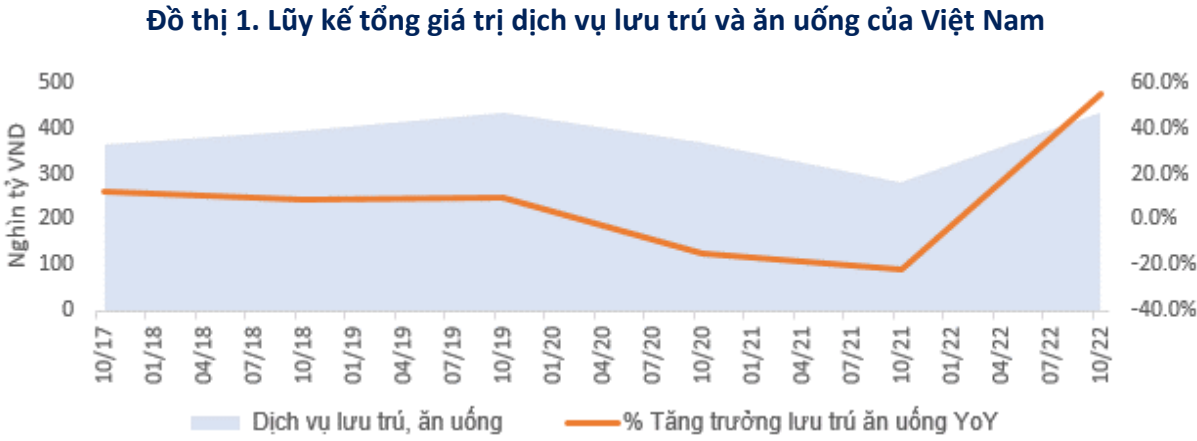
Đ vị: Nghìn lượt người	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tổng số	7,944	10,013	12,922	15,498	18,009	3,837	157
% Tỷ trọng TQ	22.4%	26.9%	31.0%	32.0%	32.2%	25.0%	36.7%
Châu Á	5,560	7,263	9,763	12,075	14,386	2,814	133
% Tỷ trọng TQ	32.0%	37.1%	41.1%	41.1%	40.4%	34.1%	43.5%
Trung Quốc	1,781	2,697	4,008	4,966	5,806	959	58

Nguồn: GSO, BSC research

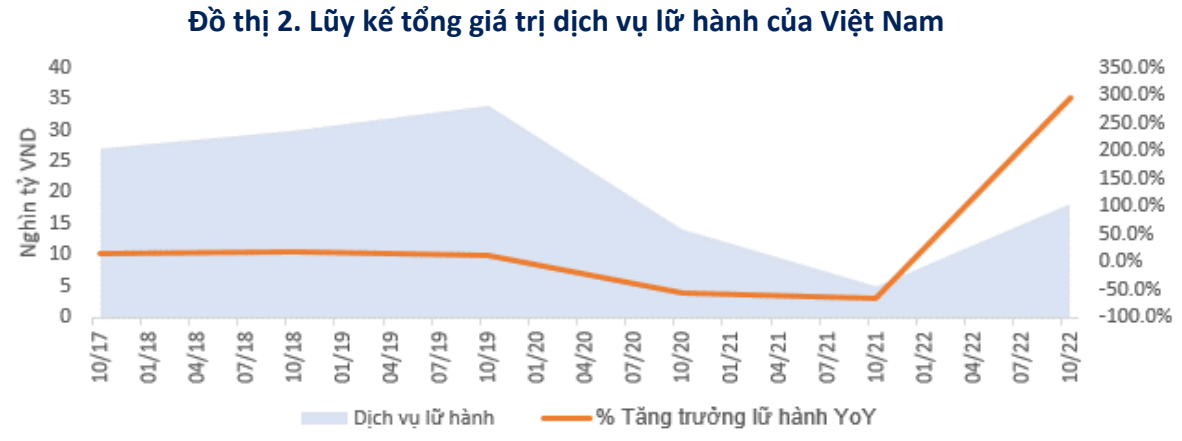
Bảng 6. Lượt khách du lịch 9T2022

Đ vị: Nghìn lượt người	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng số	7,944	7,265	9,448	11,616	12,871	3,788	115	432
% Tỷ trọng TQ	22.4%	27.4%	31.1%	32.8%	30.9%	24.8%	39.9%	3.0%
Châu Á	5,560	5,264	7,099	9,029	10,156	2,770	98	314
% Tỷ trọng TQ	32.0%	37.8%	41.4%	42.2%	39.2%	33.9%	46.5%	4.2%
Trung Quốc	1,781	1,988	2,936	3,809	3,977	938	46	13

Nguồn: GSO, BSC research



Nguồn: GSO, BSC Research



Nguồn: GSO, BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Tác động từ việc Trung Quốc tái mở cửa nền kinh tế đối với Việt Nam

3. Ảnh hưởng từ việc Trung Quốc tái mở cửa tới các nhóm ngành

3.1. Nhóm ngành tiêu dùng + lượng thực + chăn nuôi (VNM, LTG, QNS, DBC,..)

Chúng tôi đánh giá sự kiện Trung Quốc mở cửa nền kinh tế có thể tác động tích cực đến biên lợi nhuận gộp của nhóm ngành tiêu dùng, lượng thực và chăn nuôi nhờ (1) xu hướng giảm của chi phí vận chuyển khi vấn đề tắc nghẽn tại các cảng của Trung Quốc được giải quyết. (2) Ngoài ra, các DN có đóng góp từ doanh thu xuất khẩu sang Trung Quốc sẽ phục hồi đáng kể khi nhu cầu phục hồi như nhóm xuất khẩu lúa gạo (Thị trường xuất khẩu gạo lớn thứ 2 tại Việt Nam với 14% thị phần về giá trị trong 9 tháng/2022).

3.2. Ngành hàng không

Trong trường hợp Trung Quốc mở cửa trở lại, ngành hàng không sẽ được hưởng lợi do các đường bay quốc tế phục hồi. Trung Quốc là thị trường hàng không lớn nhất đến Việt Nam. Cụ thể, Sản lượng khách du lịch đến từ Trung Quốc chiếm 32% tổng sản lượng khách quốc tế trước dịch.

3.3. Ngành thủy sản

BSC cho rằng việc mở cửa của Trung Quốc sau thời gian dài theo đuổi chính sách zero-COVID sẽ có tác động tích cực đối với ngành cá tra của Việt Nam. Trung Quốc luôn thuộc nhóm thị trường tiêu thụ cá tra lớn nhất, việc tiêu dùng bị thắt chặt trong gần ba năm dịch khiến nhu cầu bị kiềm nén trong khi tồn kho ở mức thấp. Do đó, BSC kỳ vọng việc Trung Quốc mở cửa sẽ kéo theo nhu cầu tiêu thụ cá tra tăng cao giúp cả ngành cá tra tăng trưởng.

Báo cáo tham khảo

- Báo cáo tuần 21: [Link](#)
- Quan hệ thương mại Hoa Kỳ và Việt Nam: [Link](#)
- Báo cáo vĩ mô thị trường tháng 10: [Link](#)
- Báo cáo chuyển dịch hàng hóa công nghiệp nặng: [Link](#)



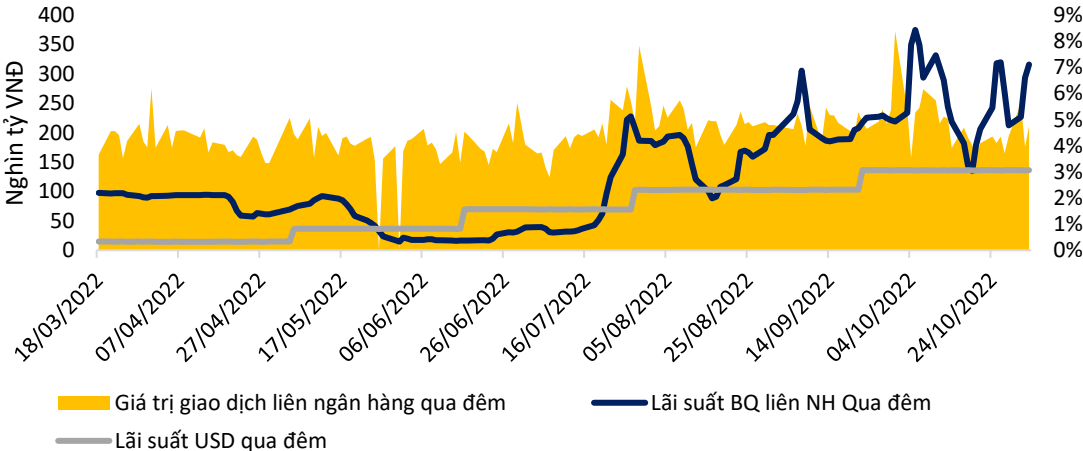
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 37	12/9/2022	16/9/2022	94,028.75	34,388.33	-59,640.42
Tuần 38	19/9/2022	23/9/2022	93,738.22	59,099.95	-34,638.27
Tuần 39	26/9/2022	30/9/2022	50,399.25	78,502.40	28,103.15
Tuần 40	3/10/2022	7/10/2022	4,702.50	41,691.55	36,989.05
Tuần 41	10/10/2022	14/10/2022	41,691.55	134,853.16	93,161.61
Tuần 42	17/10/2022	21/10/2022	128,158.84	5,386.53	-122,772.31
Tuần 43	24/10/2022	28/10/2022	117,298.82	163,374.26	46,075.44
Tuần 44	31/10/2022	4/11/2022	57,175.16	131,273.45	74,098.29

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	6.28%	7.17%	6.46%	10.22%	9.09%	9.32%	7.65%
So với tuần trước	0.14%	0.60%	-0.87%	2.54%	1.08%	0.69%	-0.74%
KLGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	212,434	5,127	1,927	1,208	1,389	206	95
So với tuần trước	14.29%	-64.22%	-5.91%	-0.81%	-12.74%	-35.18%	-46.87%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 20/10/2022

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 44, 20 nghìn tỷ đồng giá trị tín phiếu được phát hành, ngoài ra SBV thực hiện mua 58.17 nghìn tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV đã bơm ròng 74.1 nghìn tỷ đồng qua OMO. Lãi suất giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm tăng nhẹ trong tuần 44 cùng với thanh khoản tăng.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 6.28%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 212.43 nghìn tỷ VNĐ



PTKT VN-INDEX: 980 điểm, Fibonacci 61.8% chu kỳ trung hạn, vẫn đang hỗ trợ cho VN-Index

Đồ thị ngày: Sau gần 2 tuần tích lũy trên 1,000 điểm, VN-Index thêm 1 lần nữa giảm dưới ngưỡng tâm lý 1,000 điểm. Diễn biến tiêu cực nhưng hoạt động bắt đáy vẫn được duy trì thể hiện qua cây nến rút chân hammer với thanh khoản cao. Thị trường chưa thoát khỏi điệp khúc thị trường tăng thanh khoản thấp, giảm thanh khoản cao đồng nghĩa với áp lực giảm điểm vẫn chiếm ưu thế. Tín hiệu divergence nhẹ giữa RSI và VN-Index vẫn duy trì nhưng phiên giảm điểm hôm nay đang triệt tiêu dần động lực tăng.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm từ 39 về 33, duy trì phân kỳ dương VN-Index.
- MACD giữ trên đường tín hiệu.
- VN-Index nằm dưới SMA20, SMA100 đồ thị ngày và tuần.

Nhận định: Mô hình 2 đáy của VN-Index đã thất bại với phiên giảm điểm hôm nay. Dù đang phản ứng tốt với Fibonacci 61.8% chu kỳ trung hạn tại 980 điểm, chỉ số đang trong vùng giá nhạy cảm và có nhiều biến động lớn. Phiên giảm điểm dưới 980 điểm dứt khoát với thanh khoản lớn sẽ củng cố cho khả năng VN-Index giảm xuống vùng 900 – 950 điểm theo bước sóng 5 mở rộng mô hình Eliot.



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: *FED tiếp tục tăng lãi suất 0.75%*

VIỆT NAM:

- Quốc hội: Chiều 31/10, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước CHND Trung Hoa Tập Cận Bình chủ trì lễ đón Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng theo nghi thức cao nhất dành cho nguyên thủ quốc gia.
- Chính phủ: Trình Quốc hội dự án Luật đất đai sửa đổi. Dự thảo Luật gồm 16 chương, 245 điều, trong đó giữ nguyên 28 điều; sửa đổi, bổ sung 184 điều; bổ sung mới 41 điều và bãi bỏ 8 điều.
- Chính phủ: Ban hành Nghị định số 91 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020 v/v doanh nghiệp phải nộp 80% thuế TNDN của năm 2022, thời hạn cuối cùng là ngày 30/01/2023
- Chính phủ: Phó Thủ tướng Lê Minh Khái vừa ký Công điện số 1039 về việc quản lý, điều hành mặt hàng xăng dầu.
- NHNN: Có văn bản số 7509 cảnh báo phòng ngừa, phát hiện các hành vi, thủ đoạn có dấu hiệu rủi ro về rửa tiền của các tài khoản do đối tượng người nước ngoài mở tại hệ thống các ngân hàng Việt Nam.
- NHNN: Tính đến cuối T10.2022, tăng trưởng tín dụng đã đạt 11.5% so với cuối năm 2021.
- Thống đốc NHNN: Chính sách tiền tệ hướng tới ưu tiên cấp tín dụng khoản vay nhà ở phân khúc thấp.
- Tổng cục Thống kê: 10T2022 thu NSNN ước đạt 1,464.3 nghìn tỷ đồng, bằng 103.7% dự toán (trong đó, NSTW ước đạt 103.6% dự toán; NSDP ước đạt 103.8% dự toán), tăng 16.2% svck năm 2021.
- Tổng cục Hải quan: tổng trị giá XNK của cả nước trong 10T2022 ước tính đạt 616.24 tỷ USD, tăng 14.1%, tương ứng tăng 75.94 tỷ USD về số tuyệt đối svck năm 2021.
- Bộ KH&ĐT: Tiến độ giải ngân vốn ĐTC tháng 10 tiếp tục có chuyển biến, tiến độ giải ngân tháng 10 đạt 44.626 tỉ đồng.
- Bộ Công thương: Chính thức có văn bản giao sản lượng xăng dầu cho 33 doanh nghiệp đầu mối, trong đó Petrolimex nhiều nhất với trên 2.1 triệu m3/tấn xăng dầu các loại.

THẾ GIỚI:

- FED: thông báo tăng lãi suất lần thứ 4 liên tiếp ở mức 0,75 điểm %, cho rằng vẫn cần tiếp tục tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát, đồng thời cũng để ngỏ khả năng giảm mức tăng lãi suất trong những lần tới.
- BoE: Quyết định tăng lãi suất thêm 75 điểm cơ bản, là mức tăng mạnh nhất kể từ 1989. Với mức tăng này, lãi suất cơ bản của Anh đạt 3%.
- Mỹ: Số lượng vị trí tuyển dụng ở Hoa Kỳ tăng 437,000 người lên con số 10.72 triệu vào T9.2022, gần ngưỡng cao kỷ lục kể từ cuối 2021, cao hơn mức kỳ vọng của thị trường.
- Mỹ: Chỉ số PMI Sản xuất ISM giảm xuống 50.2 vào T10.2022 từ mức 50.9 của T9, chạm mức tăng trưởng thấp nhất từ giữa 2020.
- Trung Quốc: Phong tỏa một nhà máy lắp ráp iPhone của Foxconn, việc này đã ảnh hưởng đến hơn 10% năng lực sản xuất iPhone toàn cầu.
- Trung Quốc: Chỉ số PMI giảm xuống 49.2 vào T.2022, đánh dấu mức thấp nhất kể từ tháng 7, thấp hơn mức 50.0 theo kỳ vọng thị trường.
- Eurozone: Lạm phát vượt mức 10% trong T10.2022 lên 10.7% svck, ngưỡng cao kỷ lục kể từ khi Eurozone được thành lập.
- Anh: Chi phí thực phẩm tươi sống T10.2022 tăng 13.3% yoy, mức tăng lớn nhất kể từ năm 2005.
- Anh: Giá nhà tại Anh đã giảm lần đầu tiên sau 15 tháng khi thị trường bất động sản nước này bắt đầu cảm nhận được những tác động của việc triển vọng kinh tế đang xấu đi.
- Thụy Sĩ: Ngân hàng Quốc gia báo cáo khoản lỗ 142.4 tỷ franc (khoảng 143 tỷ USD) trong 9 tháng đầu năm do bất ổn trên thị trường tiền tệ toàn cầu.
- Úc: Ngân hàng Dự trữ Úc đã tăng tỷ giá tiền mặt thêm 25 bps lên 2.85% trong cuộc họp T11.2022, đánh dấu lần tăng lãi suất thứ bảy liên tiếp.
- Nga: Bộ Kinh tế Nga thông báo nền kinh tế nước này trong tháng 9 suy giảm 5% so với cùng kỳ năm ngoái, mức giảm mạnh hơn mức 4% được ghi nhận một tháng trước đó.
- Singapore: PMI đã tăng lên 57.7 vào T10.2022 từ mức 57.5 vào T9.2022, tăng với tốc độ nhanh nhất trong 3 tháng.
- Hàn Quốc: xuất khẩu giảm 5.7% yoy xuống 52,48 tỷ USD vào T10.2022, mức giảm lớn nhất kể từ T8.2022, đánh dấu tháng thâm hụt thương mại thứ bảy liên tiếp.
- Nhật Bản: Bộ Tài chính cho biết đã chi 42.8 tỷ USD vào việc can thiệp tiền tệ vào tháng 10 để nâng đỡ đồng yên.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

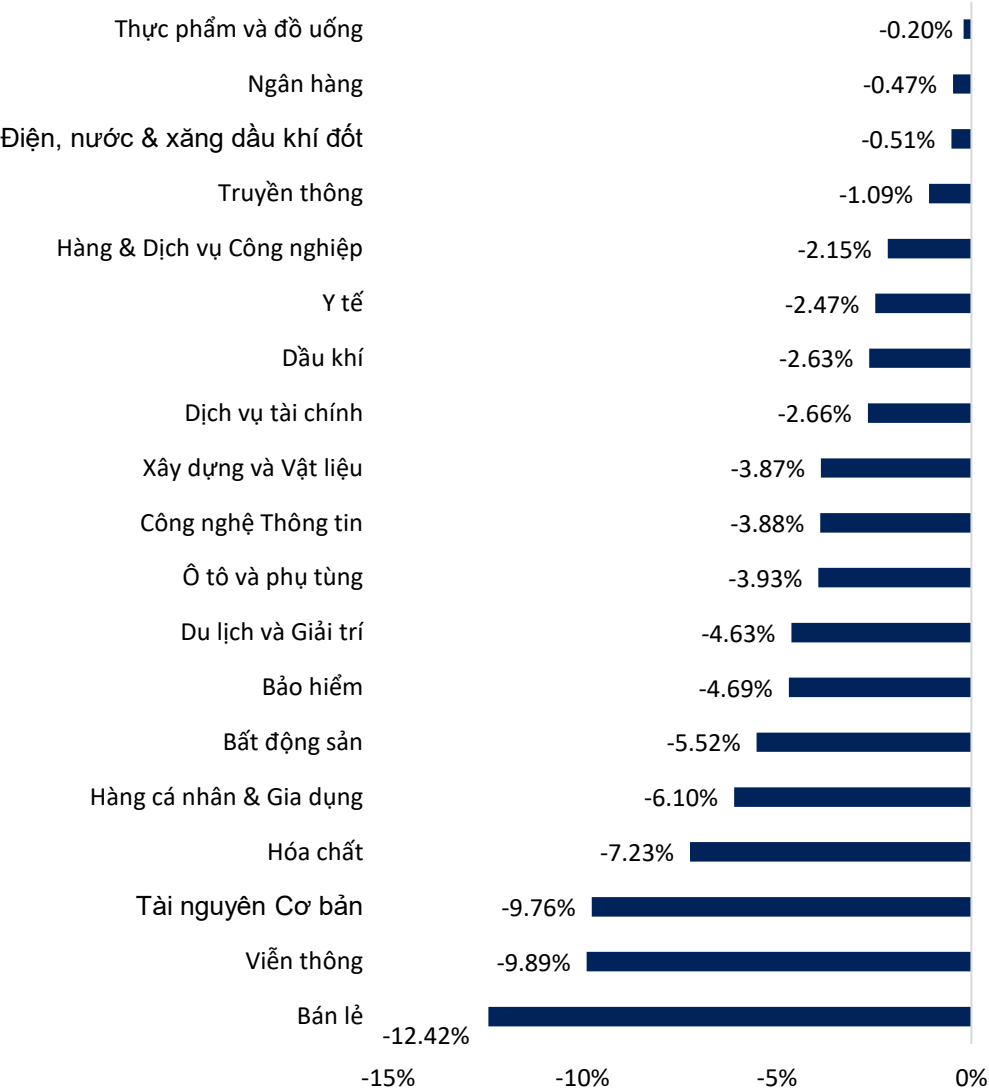
- Công bố KQKD quý III của các Doanh nghiệp niêm yết.
- Hoạt động bán giải chấp của một số công ty niêm yết.
- Ngày 7/11, Cán cân thương mại Trung Quốc; Chỉ số công nghiệp Đức. 8/11, Doanh thu bán lẻ Anh, EU; Bầu cử Quốc hội Hoa Kỳ giữa nhiệm kỳ. 9/11, CPI Trung Quốc; Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 10/11, Cung tiền M2 và các khoản vay mới Trung Quốc; CPI và đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 11/11, Chỉ số sản xuất công nghiệp, cán cân thương mại và GDP Anh; Chỉ số niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ.



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu	
Thực phẩm và đồ uống	-0.88%	-0.20%	-1.44%	VNM	2.56%
Ngân hàng	-1.10%	-0.47%	-0.86%	VCB	0.28% VPB 3.67%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.95%	-0.51%	-1.55%	REE	-12.16% POW -5.31%
Truyền thông	-0.62%	-1.09%	-6.62%	YEG	-10.74% FOC -0.86%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.39%	-2.15%	-5.94%	GDM	4.96% VSC -0.72%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	92.61	5.04%	5.36%	6.64%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	98.57	4.12%	5.12%	7.60%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	273.48	1.52%	6.71%	8.47%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,681.87	3.21%	2.25%	-2.00%		PNJ
Bạc	USD/oz.	20.86	7.12%	8.30%	1.03%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,462.25	1.76%	4.43%	5.92%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	847.75	0.86%	2.23%	-6.01%		AFX
Sữa	USD/cwt	20.35	2.42%	8.19%	-4.42%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	213.50	0.42%	-1.16%	-6.89%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	18.71	1.30%	6.43%	4.23%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	171.65	1.96%	2.32%	-20.03%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	8,099.00	7.12%	7.27%	5.46%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3,536.00	1.23%	1.23%	-7.70%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,355.50	4.04%	6.51%	0.15%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	648.00	2.61%	2.61%	-9.62%		HPG
Than đá	USD/MT	349.00	-1.13%	-6.95%	-13.72%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	502.99	2.87%	2.87%	-6.78%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VRE	9.70%	1.35
VNM	2.56%	1.05
VPB	3.67%	1.02
TCB	4.51%	0.97
GAS	1.83%	0.96
CTG	1.87%	0.54
MBB	1.42%	0.28
MSB	5.31%	0.25
STG	27.37%	0.25
VCB	0.28%	0.24
Tổng		6.91

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
NVL	-17.38%	-6.17
HPG	-12.80%	-3.14
MWG	-13.44%	-2.63
EIB	-17.13%	-2.10
BCM	-9.54%	-2.03
ACB	-9.64%	-1.82
VIC	-2.51%	-1.34
PDR	-15.92%	-1.20
GVR	-7.93%	-1.16
VJC	-7.14%	-1.05
Tổng		-22.63

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
FUESSVFL	283.60	0.29
VHM	217.87	22.94
VNM	172.43	55.50
DGC	141.22	15.34
KDH	94.48	28.91
MSN	94.07	29.56
VRE	72.18	31.66
PVD	68.35	14.45
FRT	59.25	22.84
VHC	32.57	28.70
Tổng	1,236.03	

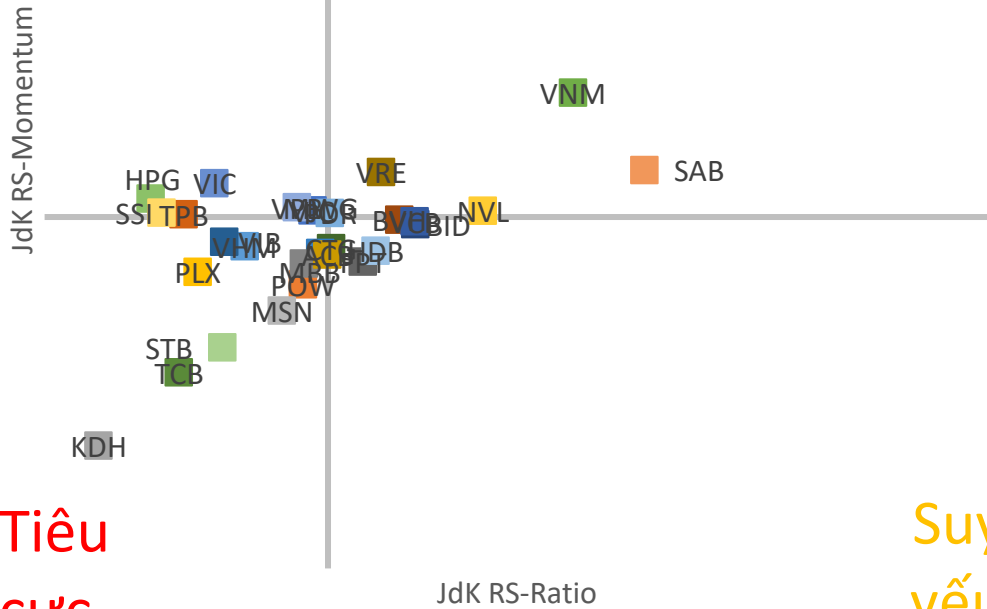
Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	-1139.05	19.33
KBC	-293.40	16.77
VIC	-84.92	12.03
HDB	-74.32	17.97
NVL	-56.40	5.20
GEX	-47.87	8.25
STB	-46.05	20.25
GMD	-44.61	47.78
SSI	-35.09	34.25
GAS	-30.07	2.98
Tổng	-1851.77	

Vận động cổ phiếu VN30			
VNM	112.9779	103.5274	8.99%
VRE	102.8268	101.274	-8.45%
PDR	100.119	100.1101	-35.79%
SAB	116.7529	101.3314	-5.94%
NVL	108.2054	100.1706	-28.00%
GAS	108.6918	101.5238	-2.37%
VJC	99.19985	100.1774	-20.18%
VIC	94.00341	100.9563	-20.26%
HPG	90.63327	100.5138	-38.45%
TPB	92.37306	100.0734	-25.78%
SSI	91.21004	100.1124	-37.47%
VPB	98.36828	100.2679	-15.53%
BVH	103.7803	99.91832	-11.50%
FPT	101.856	98.71943	-14.25%
BID	104.6254	99.78715	-15.91%
CTG	100.1713	99.10349	-14.78%
VCB	104.5956	99.86685	-11.90%
HDB	102.5291	99.03353	-28.17%
VHM	95.60147	99.15718	-27.41%
POW	98.69688	98.0802	-29.75%
KDH	87.86689	93.48404	-44.65%
PLX	93.11513	98.4357	-32.08%
VIB	94.52355	99.28957	-24.04%
MSN	97.56907	97.32587	-24.73%
MWG	99.60867	98.97328	-28.60%
MBB	98.74655	98.67203	-21.03%
ACB	99.98336	98.92689	-19.88%
TCB	92.12239	95.57037	-34.28%
GVR	91.55831	96.53171	-43.71%
STB	94.41298	96.28505	-33.33%

Hồi
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích
cực



Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

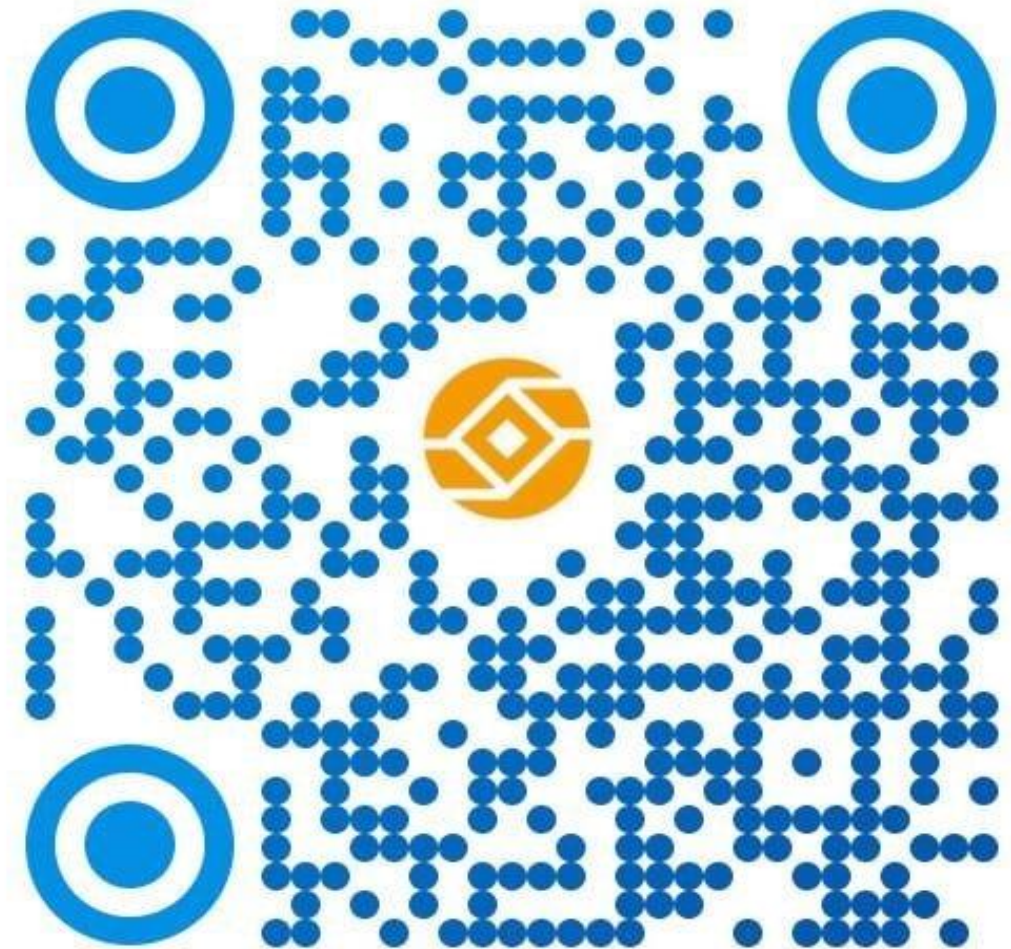
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

